

**BỘ XÂY DỰNG
CỤC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY
VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 7 năm 2025

BẢNG SO SÁNH

Dự thảo Thông tư quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 và Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001 (thay thế cho các Thông tư số 12/2011/TT-BGTVT ngày 30/3/2011; Thông tư số 29/2019/TT-BGTVT ngày 12/8/2019; Thông tư số 46/2011/TT-BGTVT ngày 30/6/2011 và Thông tư số 28/2019/TT-BGTVT ngày 12/8/2019)

Văn bản quy phạm pháp luật được thay thế			
Thông tư số 12/2011/TT-BGTVT ngày 30/3/2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 29/2019/TT-BGTVT ngày 12/8/2019	Thông tư số 46/2011/TT-BGTVT ngày 30/6/2011 được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2019/TT-BGTVT ngày 12/8/2019	Dự thảo Thông tư quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 và Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001	Thuyết minh
THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỔN THẤT Ô NHIỄM DẦU NĂM 1992 Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005; Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; Căn cứ Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 mà Việt Nam là thành viên;	THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỔN THẤT Ô NHIỄM DẦU NHIÊN LIỆU NĂM 2001 Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 14 tháng 6 năm 2005; Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải; Căn cứ Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001 mà Việt Nam là thành viên;	THÔNG TƯ QUY ĐỊNH VỀ VIỆC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ THEO CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỔN THẤT Ô NHIỄM DẦU NĂM 1992 VÀ CÔNG ƯỚC QUỐC TẾ VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỔN THẤT Ô NHIỄM DẦU NHIÊN LIỆU NĂM 2001 Căn cứ Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992; Căn cứ Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001; Căn cứ Bộ luật Hàng hải Việt Nam ngày 25 tháng 11 năm 2015;	

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 như sau:	Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001 như sau:	Căn cứ Nghị định số 33/2025/NĐ-CP ngày 25 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng; Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 và Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001.	
Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	Chương I QUY ĐỊNH CHUNG	
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu theo quy định của Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 (sau đây gọi tắt là Công ước CLC 1992).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001 (sau đây gọi tắt là Công ước Bunker 2001).	Điều 1. Phạm vi điều chỉnh Thông tư này quy định về việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự theo quy định của Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992 (sau đây gọi tắt là Công ước CLC 1992) và Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự theo quy định của Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001 (sau đây gọi tắt là Công ước Bunker 2001).	
Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu theo quy định của Công ước CLC 1992.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước Bunker 2001.	Điều 2. Đối tượng áp dụng Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân Việt Nam và tổ chức, cá nhân nước ngoài liên quan đến việc cấp, thu hồi Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu theo quy định của Công ước CLC 1992 và Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước Bunker 2001.	

<p>Chương II</p> <p>THỦ TỤC CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI THIẾT HẠI Ô NHIỄM DẦU</p>		<p>Chương II</p> <p>CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TỒN THẤT Ô NHIỄM DẦU THEO CÔNG ƯỚC CLC 1992</p>	
<p>Điều 3. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu</p> <p>1. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) do Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam phân cấp thực hiện công tác đăng ký tàu biển (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký tàu biển) cấp để xác nhận đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính đối với tàu biển có hiệu lực, đáp ứng yêu cầu tại Điều VII của Công ước CLC 1992.</p> <p>2. Thời hạn sử dụng của Giấy chứng nhận tương ứng với thời hạn ghi trong đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo đảm tài chính được cấp của tàu biển đó.</p> <p>3. Giấy chứng nhận được cấp 01 (một) bản chính cho chủ tàu và 01 (một) bản sao (chụp) lưu tại Cơ quan đăng ký tàu biển.</p>		<p>Điều 3. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu</p> <p>1. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu (sau đây gọi tắt là <i>Giấy chứng nhận CLC 1992</i>) do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam <i>ủy quyền</i> thực hiện công tác đăng ký tàu biển (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký tàu biển) cấp để xác nhận <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm</i> đối với tàu biển có hiệu lực, đáp ứng yêu cầu tại Điều VII của Công ước CLC 1992.</p> <p>2. Thời hạn sử dụng của Giấy chứng nhận CLC 1992 tương ứng với thời hạn ghi trong <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều VII của Công ước CLC 1992</i> được cấp của tàu biển đó.</p> <p>3. Giấy chứng nhận CLC 1992 được cấp 01 bản chính cho chủ tàu và 01 bản sao lưu tại Cơ quan đăng ký tàu biển.</p>	
<p>Điều 4. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Tàu biển Việt Nam và tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài vận chuyển trên 2000 tấn dầu dưới dạng xô.</p>		<p>Điều 4. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận CLC 1992</p> <p>Tàu biển Việt Nam và tàu biển mang cờ quốc tịch nước ngoài vận chuyển trên 2000 tấn dầu dưới dạng xô.</p>	
<p>Điều 5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Tàu biển quy định tại Điều 4 của Thông tư này có đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách</p>		<p>Điều 5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận CLC 1992</p> <p>Tàu biển quy định tại Điều 4 của Thông tư này có <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều VII của</i></p>	

<p>nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu theo quy định của Công ước CLC 1992.</p>		<p>Công ước CLC 1992 về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu có hiệu lực, theo quy định của Công ước CLC 1992 và các quy định của pháp luật Việt Nam.</p>	
<p>Điều 6. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận</p> <p>1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận bao gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị của chủ tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;</p> <p>b) Bản chính đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo đảm tài chính phù hợp với quy định của Công ước CLC 1992; trường hợp việc bảo hiểm có tái bảo hiểm thì chủ tàu phải nộp cả bản gốc giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm liên quan.</p> <p>Trường hợp đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính, giấy chứng nhận tái bảo hiểm về trách nhiệm dân sự của chủ tàu được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử, chủ tàu phải cung cấp địa chỉ chính thức, hợp pháp trang thông tin điện tử của tổ chức đã cấp để kiểm tra;</p> <p>c) Bản sao (chụp) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ phải nộp là 01 (một) bộ.</p>		<p>Điều 6. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận CLC 1992</p> <p>1. Chủ tàu gửi 01 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận CLC 1992 <i>trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến</i> đến Cơ quan đăng ký tàu biển.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận CLC 1992 bao gồm:</p> <p>a) Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử Đơn đề nghị của chủ tàu theo Mẫu số 01 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều VII của Công ước CLC 1992;</p> <p>Trường hợp việc bảo hiểm có tái bảo hiểm thì chủ tàu phải nộp cả bản gốc Giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm liên quan;</p> <p>Trường hợp <i>Giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều VII của Công ước CLC 1992</i> của chủ tàu được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử, chủ tàu phải cung cấp địa chỉ chính thức, hợp pháp trang thông tin điện tử của tổ chức đã cấp để kiểm tra;</p> <p>c) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đối với tàu đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài.</p> <p>3. Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ và thực hiện kiểm tra hồ sơ tuân thủ theo các quy định Công ước CLC 1992, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận CLC 1992 theo Mẫu số 02 quy định tại Phụ lục ban hành kèm</p>	
<p>Điều 7. Cách thức nộp hồ sơ</p> <p>Chủ tàu trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính tới Cơ quan đăng ký tàu biển.</p>			
<p>Điều 8. Trình tự nhận và xử lý hồ sơ</p> <p>1. Chủ tàu trực tiếp nộp hoặc gửi hồ sơ tới Cơ quan đăng ký tàu biển.</p> <p>2. Trách nhiệm của Cơ quan đăng ký tàu biển:</p> <p>a) Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ theo quy</p>			

<p>định, vào sổ hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định tại Điều 9 của Thông tư này;</p> <p>b) Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển nhận hồ sơ, kiểm tra hồ sơ theo quy định và vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định;</p> <p>c) Đối với hồ sơ không đúng quy định: trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển thông báo bằng văn bản đến chủ tàu đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>d) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		<p>theo Thông tư này và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu; trường hợp không chấp thuận, Cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	
<p>Điều 9. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.</p>			
<p>Điều 10. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận là Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia và Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực được quy định cụ thể như sau:</p> <p>1. Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia là Cục Hàng hải Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:</p> <p>a) Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hải</p>			

Phòng; b) Chi cục Hàng hải Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh; c) Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.			
Điều 11. Thu hồi Giấy chứng nhận Giấy chứng nhận đã cấp bị thu hồi khi vi phạm một trong các trường hợp sau: 1. Giả mạo hoặc sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận; 2. Mua bán, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận; 3. Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận.		Điều 7. Thu hồi Giấy chứng nhận CLC 1992 1. Giấy chứng nhận CLC 1992 đã cấp bị thu hồi khi vi phạm một trong các trường hợp sau: a) Giả mạo hoặc sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận CLC 1992; b) Mua bán, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận CLC 1992; c) Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận CLC 1992. <i>2. Cơ quan đăng ký tàu biển có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận CLC 1992.</i>	
Điều 12. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nộp tại Cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận Giấy chứng nhận.		Điều 8. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận CLC 1992 Lệ phí cấp Giấy chứng nhận CLC 1992 thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nộp tại Cơ quan đăng ký tàu biển <i>hoặc thanh toán qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến</i> trước khi nhận Giấy chứng nhận CLC 1992.	
	Chương II CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TÔN THẤT Ô NHIỄM DẦU NHIÊN LIỆU	Chương III CẤP, THU HỒI GIẤY CHỨNG NHẬN BẢO HIỂM HOẶC BẢO ĐẢM TÀI CHÍNH VỀ TRÁCH NHIỆM DÂN SỰ ĐỐI VỚI TÔN THẤT Ô NHIỄM DẦU NHIÊN LIỆU THEO CÔNG ƯỚC BUNKER 2001	
	Điều 3. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tôn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 1. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tôn thất ô nhiễm dầu	Điều 9. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tôn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu 1. Giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tôn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu	

	<p>nhiên liệu (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận) do Cục Hàng hải Việt Nam hoặc Chi cục hàng hải, Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải Việt Nam phân cấp thực hiện công tác đăng ký tàu biển (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký tàu biển) cấp để xác nhận đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính đối với tàu biển có hiệu lực, đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 của Công ước Bunker 2001.</p> <p>2. Thời hạn sử dụng của Giấy chứng nhận tương ứng với thời hạn ghi trong đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo đảm tài chính được cấp của tàu biển đó.</p> <p>3. Giấy chứng nhận được cấp 01 (một) bản chính cho chủ tàu và 01 (một) bản sao (chụp) lưu tại Cơ quan đăng ký tàu biển.</p>	<p>(sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận Bunker 2001) do Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam hoặc Chi cục Hàng hải và Đường thủy, Cảng vụ hàng hải được Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam <i>ủy quyền</i> thực hiện công tác đăng ký tàu biển (sau đây gọi chung là Cơ quan đăng ký tàu biển) cấp để xác nhận <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm</i> đối với tàu biển có hiệu lực, đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 của Công ước Bunker 2001.</p> <p>2. Thời hạn sử dụng của Giấy chứng nhận Bunker 2001 tương ứng với thời hạn ghi trong <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 của Công ước Bunker 2001</i> được cấp của tàu biển đó.</p> <p>3. Giấy chứng nhận Bunker 2001 được cấp 01 bản chính cho chủ tàu và 01 bản sao lưu tại Cơ quan đăng ký tàu biển.</p>	
	<p>Điều 4. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận</p> <p>1. Tàu biển Việt Nam có tổng dung tích trên 1000 GT hoạt động tuyến quốc tế;</p> <p>2. Tàu biển Việt Nam có tổng dung tích trên 1000 GT hoạt động tuyến nội địa, tàu biển nước ngoài có tổng dung tích trên 1000 GT sẽ được cấp Giấy chứng nhận nếu chủ tàu có yêu cầu.</p>	<p>Điều 10. Đối tượng được cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001</p> <p>1. Tàu biển Việt Nam có tổng dung tích trên 1000 GT hoạt động tuyến quốc tế.</p> <p>2. Tàu biển Việt Nam có tổng dung tích trên 1000 GT hoạt động tuyến nội địa, tàu biển nước ngoài có tổng dung tích trên 1000 GT sẽ được cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001 nếu chủ tàu có yêu cầu.</p>	
	<p>Điều 5. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Tàu biển quy định tại Điều 4 của Thông tư này có đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu theo quy định của Công ước Bunker 2001.</p>	<p>Điều 11. Điều kiện cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001</p> <p>Tàu biển quy định tại Điều 10 của Thông tư này có <i>Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 của Công ước Bunker 2001</i> về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu có hiệu lực, theo quy định của Công ước Bunker 2001 <i>và các quy định của pháp luật Việt Nam.</i></p>	
	<p>Điều 6. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận</p> <p>1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận gồm:</p> <p>a) Đơn đề nghị của chủ tàu theo mẫu quy định tại Phụ lục I của Thông tư này;</p>	<p>Điều 12. Thủ tục cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001</p> <p>1. Chủ tàu gửi 01 hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001 <i>trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến</i> đến Cơ quan đăng ký</p>	

	<p>b) Bản chính đơn bảo hiểm hoặc giấy chứng nhận bảo đảm tài chính phù hợp với quy định của Công ước Bunker 2001; trường hợp việc bảo hiểm có tái bảo hiểm thì phải nộp cả bản gốc giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm liên quan.</p> <p>Trường hợp đơn bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính, giấy chứng nhận tái bảo hiểm về trách nhiệm dân sự của chủ tàu được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử, chủ tàu phải cung cấp địa chỉ chính thức, hợp pháp trang thông tin điện tử của tổ chức đã cấp để kiểm tra;</p> <p>c) Bản sao (chụp) Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển.</p> <p>2. Số lượng hồ sơ phải nộp là 01 (một) bộ.</p>	<p>tàu biển.</p> <p>2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001 bao gồm:</p> <p>a) <i>Bản chính hoặc biểu mẫu điện tử</i> Đơn đề nghị của chủ tàu theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này;</p> <p>b) Bản chính Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 của Công ước Bunker 2001;</p> <p>Trường hợp việc bảo hiểm có tái bảo hiểm thì chủ tàu phải nộp cả bản gốc Giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm liên quan;</p> <p>Trường hợp <i>Giấy chứng nhận của tổ chức nhận tái bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm đáp ứng yêu cầu tại Điều 7 của Công ước Bunker 2001</i> của chủ tàu được cấp dưới dạng dữ liệu điện tử, chủ tàu phải cung cấp địa chỉ chính thức, hợp pháp trang thông tin điện tử của tổ chức đã cấp để kiểm tra;</p> <p>c) <i>Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký tàu biển đối với tàu đăng ký mang cờ quốc tịch nước ngoài.</i></p> <p>3. Cơ quan đăng ký tàu biển tiếp nhận hồ sơ và thực hiện kiểm tra hồ sơ tuân thủ theo các quy định Công ước Bunker 2001, nếu hồ sơ chưa hợp lệ thì chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn hoàn thiện hồ sơ theo quy định. Nếu hồ sơ hợp lệ thì chậm nhất 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định Cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này và gửi trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ tàu; trường hợp không chấp thuận, Cơ quan đăng ký tàu biển có văn bản trả lời và nêu rõ lý do.</p>	
	<p>Điều 7. Cách thức nộp hồ sơ</p> <p>Chủ tàu trực tiếp nộp hồ sơ hoặc gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính tới Cơ quan đăng ký tàu biển.</p>		
	<p>Điều 8. Trình tự nộp, nhận và xử lý hồ sơ</p> <p>1. Trình tự nộp, nhận hồ sơ:</p> <p>a) Chủ tàu trực tiếp nộp hoặc gửi hồ sơ tới Cơ quan đăng ký tàu biển.</p> <p>b) Cơ quan đăng ký tàu biển nhận hồ sơ trực tiếp từ chủ tàu hoặc qua đường bưu chính.</p> <p>2. Xử lý hồ sơ:</p> <p>a) Trường hợp trực tiếp nộp hồ sơ: Cơ quan đăng ký tàu biển kiểm tra hồ sơ theo quy định, vào sổ hồ sơ và cấp giấy hẹn trả kết quả đúng thời hạn quy định tại Điều 9 của Thông tư này;</p> <p>b) Trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính: Cơ quan đăng ký tàu biển kiểm tra hồ sơ theo quy định và vào sổ hồ sơ theo đúng ngày và dấu bưu điện. Ngày vào sổ hồ sơ là căn cứ để tính ngày cấp Giấy chứng nhận theo quy định;</p>		

	<p>c) Đối với hồ sơ không đúng quy định: trường hợp chủ tàu nộp hồ sơ trực tiếp, Cơ quan đăng ký tàu biển hướng dẫn chủ tàu hoàn thiện hồ sơ theo quy định; trường hợp gửi hồ sơ qua hệ thống bưu chính, chậm nhất 02 (hai) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển thông báo bằng văn bản đến chủ tàu đề nghị bổ sung, hoàn thiện hồ sơ;</p> <p>d) Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện theo quy định, chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Cơ quan đăng ký tàu biển phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		
	<p>Điều 9. Thời hạn cấp Giấy chứng nhận</p> <p>1. Chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan đăng ký tàu biển cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định tại Phụ lục II của Thông tư này.</p> <p>2. Chủ tàu nhận Giấy chứng nhận trực tiếp tại Cơ quan đăng ký tàu biển hoặc qua hệ thống bưu chính.</p>		
	<p>Điều 10. Cơ quan cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận là Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia và Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực được quy định cụ thể như sau:</p> <p>1. Cơ quan đăng ký tàu biển quốc gia là Cục Hàng hải Việt Nam.</p> <p>2. Cơ quan đăng ký tàu biển khu vực gồm:</p> <p>a) Chi cục Hàng hải Việt Nam tại Thành phố Hải Phòng;</p> <p>b) Chi cục Hàng hải Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh;</p> <p>c) Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng.</p>		

	<p>Điều 11. Thu hồi Giấy chứng nhận</p> <p>Giấy chứng nhận đã cấp có thể bị thu hồi khi vi phạm một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giả mạo hoặc sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận; 2. Mua bán, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận; 3. Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận. 	<p>Điều 13. Thu hồi Giấy chứng nhận Bunker 2001</p> <p>1. Giấy chứng nhận Bunker 2001 đã cấp bị thu hồi khi vi phạm một trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Giả mạo hoặc sửa chữa, tẩy xóa, làm sai lệch nội dung Giấy chứng nhận Bunker 2001; b) Mua bán, cho thuê, cho mượn Giấy chứng nhận Bunker 2001; c) Cố tình khai báo sai lệch thông tin hoặc sử dụng giấy tờ sửa chữa, giả mạo trong hồ sơ xin cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001. <p>2. Cơ quan đăng ký tàu biển có thẩm quyền thu hồi Giấy chứng nhận Bunker 2001.</p>	
	<p>Điều 12. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận</p> <p>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nộp tại Cơ quan đăng ký tàu biển trước khi nhận Giấy chứng nhận.</p>	<p>Điều 14. Lệ phí cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001</p> <p>Lệ phí cấp Giấy chứng nhận Bunker 2001 thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính và nộp tại Cơ quan đăng ký tàu biển hoặc thanh toán qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến trước khi nhận Giấy chứng nhận Bunker 2001.</p>	
<p>Chương III</p> <p>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>	<p>Chương III</p> <p>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>	<p>Chương IV</p> <p>TỔ CHỨC THỰC HIỆN</p>	
<p>Điều 13. Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này. 2. Chủ tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này và Công ước CLC 1992. 	<p>Điều 13. Trách nhiệm của Cục Hàng hải Việt Nam và các tổ chức, cá nhân có liên quan</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cục Hàng hải Việt Nam có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức thực hiện Thông tư này. 2. Chủ tàu và các tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm thực hiện Thông tư này và Công ước Bunker 2001. 		
<p>Điều 14. Hiệu lực thi hành</p> <p>Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2011.</p>	<p>Điều 14. Hiệu lực thi hành</p> <p>Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 9 năm 2011.</p>	<p>Điều 15. Hiệu lực thi hành</p> <p>1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2025.</p>	

		<p>2. Thông tư này bãi bỏ các Thông tư sau:</p> <p><i>a) Thông tư số 12/2011/TT-BGTVT ngày 30/3/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu năm 1992;</i></p> <p><i>b) Thông tư số 29/2019/TT-BGTVT ngày 12/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 12/2011/TT-BGTVT;</i></p> <p><i>c) Thông tư số 46/2011/TT-BGTVT ngày 30/6/2011 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về cấp, thu hồi giấy chứng nhận bảo hiểm hoặc bảo đảm tài chính theo Công ước quốc tế về trách nhiệm dân sự đối với tổn thất ô nhiễm dầu nhiên liệu năm 2001;</i></p> <p><i>d) Thông tư số 28/2019/TT-BGTVT ngày 12/8/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 46/2011/TT-BGTVT.</i></p>	
<p>Điều 15. Tổ chức thực hiện</p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Chi cục trưởng các Chi cục Hàng hải, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	<p>Điều 15. Tổ chức thực hiện</p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Cục trưởng Cục Hàng hải Việt Nam, Chi cục trưởng các Chi cục Hàng hải, Giám đốc Cảng vụ Hàng hải Đà Nẵng, Thủ trưởng cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	<p>Điều 16. Tổ chức thực hiện</p> <p>Chánh Văn phòng Bộ, các Vụ trưởng, Cục trưởng Cục Hàng hải và Đường thủy Việt Nam và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.</p>	